

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 96/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13- 8- 2018

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thành Công.

2. Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Truyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 236/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phan Văn S**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp BH, xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị V**, sinh năm 1961.

HKTT: Ấp BH, xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(anh S có mặt, chị V vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Phan Văn S trình bày: Anh và chị V chung sống với nhau từ năm 1984 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2010

thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về quan điểm sống cũng như mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh và chị V đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, nên yêu cầu Tòa cho anh được ly hôn với chị V.

Về con chung: Có hai con chung tên Phan Thị Trúc A, sinh năm 1985 và Phan Hà Mai A1, sinh năm 1994. Hiện nay, hai con chung đã trưởng thành và tự lao động được.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện anh S khai không có, tại phiên tòa anh trình bày vợ chồng có tài sản chung là cấu trúc căn nhà, xây dựng trên đất của cha mẹ anh. Đối với phần tài sản chung này, vợ chồng anh tự thỏa thuận phân chia, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn là chị Phạm Thị V đã được tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh S với chị V là có căn cứ. Bởi anh chị có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, và có thời gian sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị V vắng mặt không có ý kiến về việc xin ly hôn của anh S. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Về con chung: có hai con chung tên Phan Thị Trúc A, sinh 1985 và Phan Hà Mai A1, sinh 1994. Hiện nay hai con chung đã thành niên, lao động được nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: anh S không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Phạm Thị V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Nhận thấy, anh Phan Văn S và chị Phạm Thị V chung sống với nhau từ năm 1984 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2004 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống và mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay anh S yêu cầu được ly hôn với chị V. Quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị V vắng mặt không có ý kiến về vấn đề này. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh S và chị V đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh S và chị V không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho anh S chị V ly hôn mới phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Phan Thị Trúc A, sinh năm 1985 và Phan Hà Mai A1, sinh năm 1994. Hiện nay, hai con chung đã trưởng thành và tự lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay anh S trình bày vợ chồng anh có tài sản chung là cấu trúc căn nhà xây dựng trên đất của cha mẹ anh. Vợ chồng anh tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Anh S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phan Văn S và chị Phạm Thị V.

2/ Về con chung: có hai con chung tên Phan Thị Trúc A, sinh 1985 và Phan Hà Mai A1, sinh 1994. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành và tự lao động được.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: Anh Phan Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 15565 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên anh S đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã BP, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Phan Minh Trâm